

Số: 128/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm
hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.”



2. Bổ sung khoản 9 và khoản 10 vào sau khoản 8 Điều 3 như sau:

“9. “Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam” là việc các tổ chức, cá nhân thỏa thuận hoặc thực hiện giao dịch hoặc theo bất kỳ phương thức nào mà thông qua đó một bên cung cấp hoặc giao tiền, tài sản cho bên kia để bên kia đứng tên mua, sở hữu chứng khoán, từ đó bên cung cấp hoặc giao tiền, tài sản trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm một, một số hoặc tất cả các hành vi dưới đây:

a) Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông sáng lập; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ;

b) Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh không thực hiện chào mua công khai đối với một hoặc một số chứng khoán;

c) Che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

10. “Tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán” là việc tổ chức, cá nhân tạo dựng, công bố thông tin không chính xác so với thông tin thực tế, thông tin không có thật hoặc thông tin không đúng so với thông tin đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác nhận, chứng thực hoặc là việc tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi, giao dịch hoặc bất cứ phương thức nào hoặc kết hợp với việc công bố thông tin sai sự thật để che giấu thông tin khi báo cáo, công bố hoặc trốn tránh không báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán, gây hiểu nhầm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán.”



3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của các khoản 1, 2 và 3 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 4 như sau:

“c) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;”

b) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 4 như sau:

“a) Đình chỉ hoạt động chào mua công khai; hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán; hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán; hoạt động văn phòng đại diện; hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán; hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;”

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, i, k và n khoản 3 Điều 4 như sau:

“a) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu hoặc lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; buộc thu hồi cổ phiếu phát hành thêm; buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành trong khoảng thời gian vượt quá thời gian quy định; buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng;

i) Buộc lưu ký, quản lý tách biệt tài sản, vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam quản lý; buộc quản lý tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; buộc lưu ký, quản lý tách biệt tài sản của từng quỹ đầu tư chứng khoán, của công ty đầu tư chứng khoán, của từng khách hàng ủy thác và tài sản của ngân hàng; buộc dừng thực hiện hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán;

k) Buộc quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; buộc mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ chi tiết cho từng khách hàng; buộc quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ;

n) Buộc dừng thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng; buộc dừng thực hiện hoạt động văn phòng đại diện;”



d) Bổ sung các điểm p, q và r vào sau điểm o khoản 3 Điều 4 như sau:

“p) Buộc nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng hoặc về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng;

q) Buộc dừng thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam;

r) Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị tẩy xóa, sửa chữa.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán

1. Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi có hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần và các vi phạm này được phát hiện ở cùng một thời điểm nhưng chưa bị xử phạt và chưa hết thời hiệu xử phạt thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần. Đối với các trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần dưới đây bị xử phạt về một hành vi có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi báo cáo không đúng thời hạn hoặc không báo cáo khi có sự thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi không còn là cổ đông lớn hoặc không còn là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 33 Nghị định này;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch hoặc không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Nghị định này;



c) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi không báo cáo về việc dự kiến giao dịch hoặc thực hiện hành vi giao dịch ngoài khoảng thời gian đăng ký hoặc ngoài khoảng thời gian Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con công bố thông tin hoặc vượt quá giá trị đăng ký quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 33 Nghị định này;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn hoặc không công bố đối với thông tin phải công bố quy định tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 42 Nghị định này, thực hiện hành vi báo cáo không đúng thời hạn hoặc không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Nghị định này.

3. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền:

a) Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Nghị định này là 10 lần khoản thu trái pháp luật đối với tổ chức và 05 lần khoản thu trái pháp luật đối với cá nhân. Trường hợp không có khoản thu trái pháp luật hoặc mức phạt tính theo khoản thu trái pháp luật thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản này để xử phạt;

b) Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán là 3.000.000.000 đồng đối với tổ chức và 1.500.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 15, khoản 2 Điều 30 Nghị định này quy định mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 39 Nghị định này quy định cả mức phạt tiền áp dụng cho tổ chức và cho cá nhân. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán được quy định như sau:



a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

3. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm quy định về thực hiện chào bán, phát hành chứng khoán tại điểm a khoản 5 Điều 8, các điểm a, b, c khoản 5 Điều 10, khoản 2 Điều 12 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán hoặc là ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền hoặc là ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu;

b) Đối với hành vi vi phạm chậm hồ sơ đăng ký công ty đại chúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4, điểm a khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 13 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Đối với hành vi đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày giao dịch đầu tiên của chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

d) Đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24, điểm b khoản 5 Điều 30, điểm b khoản 4 Điều 32 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán; trường hợp không xác định được ngày tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung;

đ) Đối với hành vi vi phạm quy định về báo cáo, công bố thông tin quy định tại điểm a khoản 3 Điều 42, điểm a khoản 2 Điều 43 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện báo cáo, công bố thông tin;

e) Đối với hành vi che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ



lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện công bố thông tin theo quy định hoặc bán chứng khoán để giảm tỷ lệ nắm giữ xuống dưới mức phải chào mua công khai hoặc bán chứng khoán để nắm giữ không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 2 và khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 11; khoản 3 và khoản 4 Điều 12; khoản 8 Điều 13; khoản 4 và khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 31; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 38; khoản 5a Điều 42; điểm d khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 45 Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

"c) Không công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành để thực hiện dự án đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng thành viên, báo cáo chủ sở hữu công ty hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành để thực hiện dự án trong báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán xác nhận, trừ trường hợp chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ."

b) Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 8 như sau:

"c) Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa; sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc xác nhận kết quả chào bán;"

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c và d khoản 3 Điều 8 như sau:

"b) Chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc phương án đã được chấp thuận trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành;

c) Công bố thông tin chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào mua chứng khoán được chào bán hoặc phát hành riêng lẻ; quảng cáo việc chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ trên phương tiện thông tin đại chúng;



d) Không lưu giữ tài liệu về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia mua chứng khoán chào bán hoặc phát hành riêng lẻ;"

d) Sửa đổi, bổ sung các điểm a và b khoản 4 Điều 8 như sau:

"a) Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ khi chưa được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho phép thực hiện; thực hiện thay đổi phương án sử dụng số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền với giá trị thay đổi từ 50% trở lên số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua; không báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

b) Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc nội dung đã báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

đ) Sửa đổi điểm b và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 Điều 8 như sau:

"b) Không đảm bảo việc chào bán hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ đáp ứng đủ điều kiện; không đảm bảo các thông tin trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ chính xác, trung thực, có thể kiểm chứng được và có đầy đủ các nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ;

c) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được phát hành, trừ trường hợp được pháp luật quy định."

e) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, c, đ và e khoản 9 Điều 8 như sau:

"a) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 3, điểm b khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.



c) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành chứng khoán riêng lẻ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

đ) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành trong khoảng thời gian vượt quá thời gian quy định; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu;

e) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này, trong trường hợp đã chào bán, phát hành chứng khoán. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 5 Điều 9 như sau:

“a) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã chào bán chứng khoán ra công chúng. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.



b) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này trong trường hợp đã chào bán chứng khoán ra công chúng. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 và điểm a khoản 8 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 10 như sau:

“b) Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc khi chưa được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện hoặc thực hiện thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền với giá trị thay đổi từ 50% trở lên số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua; sử dụng số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc nội dung đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; không báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 8 Điều 10 như sau:

“a) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, các điểm a, b, c khoản 5, khoản 6 Điều này. Tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành; trường hợp chào bán, phát hành trái phiếu thì tiền lãi phát sinh từ tiền mua trái phiếu hoặc tiền đặt cọc được tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu.”

10. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 11 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 11 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 11 như sau:

"1a. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu bằng ngoại tệ tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối;

b) Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa;

c) Sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán hoặc báo cáo kết quả đợt phát hành."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 11 như sau:

"b) Thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam khi chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc không đúng với phương án đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

"4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dừng thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này."

11. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 12 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, điểm c khoản 6 Điều 12 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 12 như sau:

"1a. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển số tiền thu được từ đợt phát hành thêm vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 12 như sau:



"b) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu không đúng với phương án đã báo cáo hoặc đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc thực hiện phát hành thêm cổ phiếu không đúng thời hạn."

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 Điều 12 như sau:

"c) Buộc thu hồi cổ phiếu phát hành thêm; hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, trong trường hợp đã phát hành thêm cổ phiếu. Thời hạn thu hồi cổ phiếu, hoàn trả tiền cho nhà đầu tư là tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành."

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

"2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc nộp không đúng thời hạn hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Điều 39 Luật Chứng khoán trong trường hợp phải nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định pháp luật."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"Điều 15. Vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; không xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong trường hợp công ty đại chúng tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp; không quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

b) Không bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với công ty đại chúng không đưa nội dung thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các cá nhân quy định tại khoản này thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:



a) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết không lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán không đảm bảo số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán hàng năm theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị không báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó nhưng chưa được thực hiện; không báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với các cá nhân quy định tại khoản này thực hiện một trong các hành vi phạm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của một công ty đại chúng; thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác của công ty đại chúng thực hiện hợp đồng, giao dịch khi chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; không đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành; không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập; không đảm bảo thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và không thuộc các trường hợp pháp luật quy định; không đảm bảo cơ cấu có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán;

b) Không mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối;

c) Vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này;

d) Không ký kết hợp đồng bằng văn bản khi tiến hành giao dịch với người có liên quan.”

14. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:



"Điều 15a. Vi phạm quy định về thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa không đúng thời gian quy định tại Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty đại chúng không thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng hoặc về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành."

15. Sửa đổi tên Điều 16 và sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 và khoản 2 Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 16 như sau:

"Điều 16. Vi phạm quy định về mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ"

b) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 16 như sau:

"c) Thực hiện bán cổ phiếu quỹ trước thời gian quy định; không hoàn thành việc bán cổ phiếu quỹ trong thời hạn quy định."

c) Sửa đổi các điểm b, đ và bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 Điều 16 như sau:

"b) Mua lại cổ phiếu khi không đáp ứng đủ điều kiện; mua lại cổ phiếu trong trường hợp không được mua lại;

đ) Bán ra số cổ phiếu đã mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán và khoản 4 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

e) Bán cổ phiếu quỹ mà không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc không đúng với phương án đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc nội dung đã công bố thông tin ra công chúng."

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, đ, e, g và k khoản 1 Điều 17 như sau:



"a) Trực tiếp hoặc gián tiếp mua hoặc cam kết mua cổ phiếu, quyền mua cổ phần, chứng quyền và trái phiếu chuyển đổi của công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu, quyền mua chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu bên ngoài đợt chào mua công khai;

d) Tiến hành chào mua công khai không đúng với thời gian quy định tại Điều 93 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

e) Từ chối mua cổ phiếu của cổ đông công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư của quỹ đầu tư mục tiêu;

g) Mua cổ phiếu của công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu theo điều khoản khác với điều khoản được công bố trong Bản công bố thông tin chào mua công khai hoặc Bản cáo bạch;

k) Không bảo đảm việc tăng giá chào mua được áp dụng đối với tất cả các cổ đông của công ty mục tiêu hoặc nhà đầu tư của quỹ đầu tư mục tiêu, bao gồm cả các cổ đông hoặc nhà đầu tư đã gửi đăng ký bán cho bên chào mua; điều chỉnh giảm giá chào mua công khai trong quá trình chào mua công khai;"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 17 như sau:

"b) Không đảm bảo cá nhân, tổ chức chào mua công khai có đủ tiền để thực hiện chào mua vào thời điểm chính thức chào mua công khai theo hồ sơ đăng ký đối với việc chào mua công khai thanh toán bằng tiền."

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm b và c khoản 3 Điều 17 như sau:

"b) Thực hiện chào mua công khai khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chưa có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua hoặc khi chưa được tổ chức, cá nhân chào mua công bố công khai việc chào mua theo phương thức pháp luật quy định; thực hiện chào mua công khai không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Rút lại đề nghị chào mua công khai trong các trường hợp không được nêu trong Bản công bố thông tin chào mua công khai hoặc Bản cáo bạch phù hợp với quy định pháp luật hoặc khi chưa báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận."

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"Điều 21. Vi phạm quy định về quản lý niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không xử lý những trường hợp tổ chức niêm yết không duy trì đầy đủ điều kiện niêm yết theo quy định.



2. Phạt tiền 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chấp thuận, thay đổi hoặc hủy bỏ niêm yết, đăng ký giao dịch không đúng quy định."

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

"Điều 22. Vi phạm quy định về quản lý thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không xử lý những trường hợp thành viên không duy trì đầy đủ điều kiện về thành viên hoặc không tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của thành viên theo quy định pháp luật, quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều 46 Luật Chứng khoán.

2. Phạt tiền 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Chấp thuận đăng ký thành viên khi chưa đáp ứng đủ điều kiện;
- b) Đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách thành viên khi không thuộc trường hợp bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách thành viên."

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

"Điều 23. Vi phạm quy định về giao dịch và giám sát của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Tổ chức giao dịch loại chứng khoán mới, thay đổi và áp dụng phương thức giao dịch mới, đưa vào vận hành hệ thống giao dịch mới khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- b) Không xử lý các hành vi vi phạm quy chế giao dịch hoặc không chấp hành đúng quy trình giám sát các hoạt động giao dịch theo quy định để xảy ra vi phạm;
- c) Không thực hiện cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không tạm ngừng, đình chỉ giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hoặc quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam."



20. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6, khoản 7 và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 8 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 24 như sau:

"b) Lập, xác nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh có tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật."

b) Sửa đổi khoản 7 Điều 24 như sau:

"7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c khoản 5, khoản 6 Điều này."

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 8 Điều 24 như sau:

"c) Buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này."

21. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 26 như sau:

"c) Vi phạm quy định về trách nhiệm của công ty chứng khoán trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện hành vi bị cấm trong nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 26 như sau:

"đ) Vi phạm quy định về nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; vi phạm quy định về điều kiện, hạn chế bảo lãnh phát hành chứng khoán; vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán; vi phạm quy định về phát hành, chào bán sản phẩm tài chính; vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tư vấn;"

22. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 27 và các điểm d, h khoản 2 Điều 27, bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 2 Điều 27, sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 27 như sau:

"c) Không tuân thủ điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư và hợp đồng ký với ngân hàng giám sát;"

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm d, h khoản 2 Điều 27 và bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 2 Điều 27 như sau:



"d) Không tuân thủ tỷ lệ đầu tư hoặc không thực hiện việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư; không tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, của quỹ đầu tư chứng khoán, về nguồn vốn đầu tư, công cụ đầu tư khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không tuân thủ quy định về thông tin, quảng cáo, giới thiệu quỹ;

h) Thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác đầu tư với giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán vượt quá giới hạn về tỷ lệ tổng giá trị giao dịch trong năm của khách hàng ủy thác;

k) Không tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác; không tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty; không tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán."

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, đ và l khoản 4 Điều 27 như sau:

"b) Sử dụng tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán đó;

đ) Sử dụng tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán để thanh toán nghĩa vụ nợ, cho vay hoặc bảo lãnh bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty hoặc bất kỳ đối tác nào; sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác;

l) Đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn ủy thác, vốn của quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán khi hợp đồng ủy thác đầu tư, điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán không có điều khoản cho phép sử dụng nguồn vốn ủy thác, vốn của quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư chứng khoán phái sinh;"

23. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 28 như sau:

"a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp;"

24. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4, 5, 6 Điều 30 và bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 30 như sau:



"3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Hoạt động văn phòng đại diện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện;
- b) Không đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc hoạt động văn phòng đại diện khi chưa được chấp thuận hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam ngoài phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện của công ty chứng khoán nước ngoài hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

5. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Làm đại diện cho tổ chức khác; thực hiện chuyển nhượng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện cho cá nhân, tổ chức khác;
- b) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc dừng thực hiện hoạt động văn phòng đại diện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;
- b) Buộc nộp lại giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này."

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:

"1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lập quỹ thành viên khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 31 như sau:

"a) Không đăng ký thành lập quỹ thành viên theo quy định pháp luật hoặc thành lập quỹ thành viên khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật; không xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua chứng khoán khi đăng ký lập quỹ thành viên;"



c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 như sau:

"4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký lập quỹ thành viên có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật."

26. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 7 và 8 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 32 như sau:

"3. Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với người hành nghề chứng khoán đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nơi mình làm việc."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 32 như sau:

"7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 32 như sau:

"8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi cho thuê chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này."

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

"Điều 33. Vi phạm quy định về giao dịch của cổ đông sáng lập; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ



1. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi có thay đổi về tỷ lệ cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu qua các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

2. Hành vi báo cáo không đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

3. Hành vi không báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;



c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu đăng ký giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

4. Hành vi giao dịch ngoài khoảng thời gian đăng ký hoặc ngoài khoảng thời gian Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con công bố thông tin, vượt quá giá trị đăng ký bị xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Cảnh cáo nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 1% đến 2% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.



5. Hành vi không báo cáo về việc dự kiến giao dịch bị xử phạt theo giá trị chứng khoán giao dịch thực tế tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ) như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 400.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng nếu giao dịch có giá trị từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

h) Phạt tiền 3% đến 5% giá trị chứng khoán giao dịch thực tế nếu giao dịch có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên. Trường hợp mức phạt tiền cao hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập báo cáo không đúng thời hạn trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng và phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo khi sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đóng hoặc khi không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập báo cáo không đúng thời hạn trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 03 tháng đến 05 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 5 Điều này.”

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 34 như sau:

“1. Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi cho người khác mượn tài khoản để giao dịch chứng khoán hoặc đứng tên sở hữu chứng khoán hộ người khác dẫn đến hành vi thao túng thị trường chứng khoán.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi che giấu thông tin về quyền sở hữu thực sự đối với một hoặc một số chứng khoán để trốn tránh hoặc hỗ trợ người khác trốn tránh thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc chào mua công khai hoặc quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.”

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 như sau:

“1. Phạt tiền 10 lần khoản thu trái pháp luật nhưng không thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này đối với hành vi sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán. Trường hợp không có khoản thu trái pháp luật hoặc mức phạt tính theo khoản thu trái pháp luật thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này để xử phạt.”

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

“1. Phạt tiền 10 lần khoản thu trái pháp luật nhưng không thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này đối với hành vi thao túng thị trường chứng khoán. Trường hợp không có khoản thu trái pháp luật hoặc mức phạt tính theo khoản thu trái pháp luật thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này để xử phạt.”

31. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 4 và 5 Điều 38 như sau:

“2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc chi nhánh của công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại thực hiện hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán khi chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện; hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, quyết định chấp thuận cho chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại được thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán, giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán, chưa có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận được báo cáo ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán, chưa được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên.



4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dừng thực hiện hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc huỷ bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.”

32. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 Điều 39 và đoạn mở đầu khoản 3 Điều 39, sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 3 Điều 39, khoản 6 Điều 39 và điểm a khoản 7 Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 Điều 39 như sau:

“2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu, thành viên bù trừ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:”

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 Điều 39 như sau:

“3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu, thành viên bù trừ và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với nhân viên của thành viên lưu ký hoặc nhân viên của thành viên bù trừ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:”

c) Sửa đổi, bổ sung các điểm a và đ khoản 3 Điều 39 như sau:

“a) Ghi nhận không chính xác tài sản, các quyền tài sản và các lợi ích có liên quan đến tài sản nhận lưu ký của khách hàng; hạch toán sai trên tài khoản lưu ký chứng khoán, tài khoản vị thế hoặc tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ; thanh toán không đúng thời hạn, thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán đã đăng ký không qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu trái quy định pháp luật;

đ) Không quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; không mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ chi tiết cho từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ;”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 39 như sau:

“6. Hình thức xử phạt bổ sung:



a) Đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này."

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 39 như sau:

"a) Buộc quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ là tiền và chứng khoán của khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; buộc mở tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ, tài khoản ký quỹ bù trừ chi tiết cho từng khách hàng; buộc quản lý tách biệt tài sản, vị thế giao dịch của từng khách hàng và của khách hàng với thành viên bù trừ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;"

33. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 42, khoản 5 Điều 42, bổ sung khoản 5a và khoản 5b vào sau khoản 5 Điều 42 và sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 42 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 42 như sau:

"a) Không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức hoặc ngôn ngữ công bố thông tin;"

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 42 như sau:

"5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin sai lệch."

c) Bổ sung khoản 5a và khoản 5b vào sau khoản 5 Điều 42 như sau:

"5a. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán.

5b. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán; hoạt động văn phòng đại diện; hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán; hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5a Điều này."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 42 như sau:

"6. Biện pháp khắc phục hậu quả:



Buộc hủy bỏ thông tin hoặc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 5a Điều này.”

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 43 như sau:

“3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 Luật Chứng khoán.”

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 43 như sau:

“3a. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo có nội dung sai lệch hoặc sai sự thật.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc báo cáo thông tin chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3a Điều này.”

35. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 44 như sau:

“a) Không thông báo cho đơn vị được kiểm toán trong quá trình kiểm toán khi phát hiện hành vi không tuân thủ pháp luật và quy định liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc không kiến nghị đơn vị được kiểm toán có biện pháp ngăn ngừa, sửa chữa, xử lý sai phạm hoặc không ghi ý kiến vào báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý theo quy định của chuẩn mực kiểm toán trong trường hợp đơn vị được kiểm toán không sửa chữa, xử lý sai phạm;”

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 45 như sau:

“5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam không lưu giữ và cập nhật thông tin cơ bản về cơ cấu tổ chức, người sáng lập, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Phòng, chống rửa tiền.”

37. Sửa đổi một số điểm của các khoản 1, 2 và 3 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 47 như sau:

“d) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định này;”

b) Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 47 như sau:

“d) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn;”



c) Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 47 như sau:

“d) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn;”

38. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 48 và bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 48 như sau:

“2. Công chức thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; công chức thuộc ngành tài chính đang thi hành nhiệm vụ, công vụ; công chức, viên chức, người có thẩm quyền đang thi hành nhiệm vụ, công vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định này phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định và chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản trong trường hợp xử phạt cảnh cáo vi phạm tại quy định tại khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 14, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 33, khoản 1 Điều 42, điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định này, trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ.”

39. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 49 như sau:

“1. Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 7 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 36, khoản 5b Điều 42, khoản 7 Điều 45, điểm a khoản 3 Điều 46 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của tổ chức vi phạm.

3. Trường hợp bị đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, tổ chức bị xử phạt phải dừng ngay một phần hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán được ghi trong quyết định xử phạt, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và phải tuân thủ các quy định cấm hoặc hạn chế thực hiện trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”

40. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:



“Điều 50. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán

1. Khi áp dụng hình thức xử phạt là đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều 38, điểm a khoản 6 Điều 39, khoản 5 Điều 40 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán của tổ chức vi phạm.

2. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán có thời hạn, tổ chức bị xử phạt phải dừng ngay một phần hoặc toàn bộ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán được ghi trong quyết định xử phạt kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và phải tuân thủ các quy định cấm hoặc hạn chế thực hiện trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng Việt Nam để thi hành.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ nhận được quyết định xử phạt, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải gửi văn bản thông báo cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thi hành.”

41. Bổ sung Điều 50a vào sau Điều 50 như sau:

“Điều 50a. Áp dụng hình thức tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán

1. Trường hợp bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, người hành nghề chứng khoán phải dừng ngay toàn bộ hoạt động nghiệp vụ được ghi trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và phải tuân thủ các quy định cấm hoặc hạn chế thực hiện trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho người hành nghề chứng khoán bị xử phạt và công ty chứng khoán nơi người hành nghề chứng khoán làm việc để thi hành.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ nhận được quyết định xử phạt, công ty chứng khoán nơi người hành nghề chứng khoán làm việc phải gửi văn bản thông báo cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thi hành tại tổ chức của mình.”



42. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 51 và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51 như sau:

“3. Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này là tối đa 30 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, b và e khoản 9 Điều 8; điểm c khoản 9 Điều 8 trong trường hợp buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất; các điểm a và b khoản 5 Điều 9, các điểm a, b và c khoản 8 Điều 10, các điểm b và c khoản 6 Điều 12, khoản 3 Điều 15a, điểm d khoản 6 Điều 17, điểm a khoản 7 Điều 18, khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27, điểm c khoản 8 Điều 32, điểm b khoản 6 Điều 34, khoản 7 Điều 39, điểm a khoản 6 Điều 40, khoản 4 Điều 44, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Nghị định này. Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 51 như sau:

“a) Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cá nhân, tổ chức vi phạm phải gửi văn bản thông báo cho nhà đầu tư đồng thời công bố trên 01 tờ báo trung ương trong 03 số liên tiếp và trên trang thông tin điện tử của công ty về việc hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu hoặc lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà cá nhân, tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc. Khoản tiền lãi của tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc mà cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả cho nhà đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư nộp tiền đến ngày cá nhân, tổ chức vi phạm trả lại tiền cho nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng chứng khoán mua trong đợt chào bán nêu trên hợp lệ, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm xác định các nhà đầu tư đã nhận chuyển nhượng trước thời điểm thông báo hoàn trả tiền và số lượng chứng khoán hiện đang nắm giữ để thông báo cho nhà đầu tư đó được biết;”

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 Điều 51 như sau:

“c) Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.”

43. Bổ sung Điều 51a vào sau Điều 51 như sau:

“Điều 51a. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán

1. Khi áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán quy định tại khoản 7 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này ra quyết định đình chỉ có thời hạn đối với toàn bộ hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân vi phạm. Tổ chức, cá nhân vi phạm phải dừng ngay toàn bộ hoạt động mua, bán chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các công ty chứng khoán để thi hành.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ nhận được quyết định xử phạt, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các công ty chứng khoán liên quan phải gửi văn bản thông báo cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thi hành tại tổ chức của mình.”

44. Bổ sung Điều 52a vào sau Điều 52 như sau:

“Điều 52a. Thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành hình thức xử phạt chính là phạt tiền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt có trách nhiệm gửi chứng từ nộp phạt có xác nhận của Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng cho người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành mà không nhận được chứng từ chứng minh đã nộp tiền phạt vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân vi phạm, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm gửi văn bản đôn đốc tổ chức, cá nhân vi phạm nộp tiền phạt theo quyết định xử phạt.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành hình thức xử phạt chính là đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn, tước quyền sử dụng giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn quy định tại các điểm c và d khoản 1 Điều 4 Nghị định này, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này mà không nhận được báo cáo kết quả thực hiện của tổ chức, cá nhân vi phạm, tổ chức có liên quan, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm gửi văn bản đôn đốc tổ chức, cá nhân vi phạm, tổ chức có liên quan thực hiện hoặc tiến hành kiểm tra kết quả thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân bị xử phạt.”



45. Bổ sung Điều 52b vào sau Điều 52a như sau:

“Điều 52b. Công bố công khai việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 70.000.000 đồng trở lên hoặc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là tước quyền sử dụng giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn hoặc bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này sẽ bị công bố công khai thông tin về vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, quyết định xử phạt phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Nội dung công bố công khai bao gồm: họ, tên, địa chỉ của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm, hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thời gian thực hiện.”

46. Thay cụm từ “trong thời hạn” bằng cụm từ “có thời hạn” tại khoản 7 Điều 10, khoản 5 Điều 17, khoản 2 Điều 20, điểm a khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 5 Điều 34, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 36, khoản 5 Điều 40, khoản 7 Điều 45, điểm a và b khoản 3 Điều 46 Nghị định này.”

Điều 2. Bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 29.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn;

b) Đối với các hành vi vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.



3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 446

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



[Handwritten signature]

Lê Minh Khái